

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 11 - 2017
V/v kiện Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thanh Hà
2. Bà: Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Loan – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2017/QĐHPT-ST ngày 03 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N (Có mặt)

Địa chỉ: Số 01, ngõ N, tổ 23, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Đ (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

Địa chỉ: Số 01, ngõ N, tổ 23, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đều trình bày:

Ngày 25 tháng 4 năm 1987 chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1960 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc bình thường được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách sống của vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế, không có sự thương yêu tôn trọng lẫn nhau, những năm gần đây vợ chồng không có ai quan tâm đến ai, mỗi người sống theo cách sống riêng của mình không còn tin tưởng tôn trọng nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã kéo dài không thể dàn xếp giải quyết được, vợ chồng sống ly thân đã hai năm nay không ai liên quan đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình cũng như bạn bè nhiều lần khuyên giải xong tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đến nay chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể hàn gắn cải thiện để tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N xác định quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung, các cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn là đúng sự thật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường và có hai người con chung nay các cháu đều đã trưởng thành. Thời gian gần đây vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt không có gì lớn. Anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng, cuộc sống vẫn bình thường nên anh Nguyễn Ngọc Đ không nhất trí ly hôn theo đơn khởi kiện của chị N.

Về quan hệ con chung: Anh Đ cũng xác nhận vợ chồng anh chị có hai người con chung nhưng các cháu đều đã trưởng thành.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự lên Tòa án để tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có mặt, còn bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ chỉ lên làm bản tự khai, sau đó cả hai lần Tòa án triệu tập anh Đ đều không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ. Còn về con cái và tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Ý kiến trình bày và quan điểm của chị N tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn với nhau ngày 25 tháng 4 năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Theo anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày tại bản tự khai thì anh chị lấy nhau và chung sống đến nay đã được 30 năm, đã có với nhau 02 người con chung hiện nay các cháu đều đã trưởng thành. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, vợ chồng có xảy ra

mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng như chị N trình bày, mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường. Còn về phía chị Nguyễn Thị N thì khai và khẳng định mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra liên tục kéo dài, vợ chồng sống không có hạnh phúc, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm không có sự chia sẻ, yêu thương tôn trọng nhau, vợ chồng liên tục xảy ra đánh cãi chửi nhau, cuộc sống căng thẳng nặng nề, anh chị đã sống ly thân nhau hai năm nay không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế.

[2] Xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã kéo dài trầm trọng, tình cảm vợ chồng không có, là vợ chồng nhưng anh chị không có sự yêu thương tôn trọng chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, mỗi người sống theo cách sống riêng của mình không ai quan tâm đến ai. Việc anh Nguyễn Ngọc Đ cho rằng vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, vẫn sống hạnh phúc bình thường là không đúng với diễn biến tình cảm thực tế diễn ra trong cuộc sống vợ chồng anh chị, thực tế anh chị sống ly thân nhau đã lâu, không có ai quan tâm đến ai. Việc chị N trình bày về mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra là có căn cứ, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và tổ trưởng dân phố và chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N để cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con cái: Anh chị có 02 người con chung, cháu thứ nhất là Nguyễn Lan C, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1987, cháu thứ hai là Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 03/10/1989. Các cháu đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc Đ. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự chị Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004547 ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND Tỉnh, TP (2);
- Các đương sự (2);
- UBND xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS (1);
- Lưu hồ sơ - Tập quyết định (2);

Nguyễn Thiên Hương